



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng CDC

Ngày 30/09/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-9.6%	-

DT thuần Q3/25
585
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.0 4.7%
YoY: ▲ 153 35.5%

LN thuần Q3/25
12.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.20 -9.1%
YoY: ▲ 0.80 6.6%

LN sau thuế Q3/25
9.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.12 -10.2%
YoY: ▲ 0.59 6.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.1%
YoY: +/- ▼ 0.1%

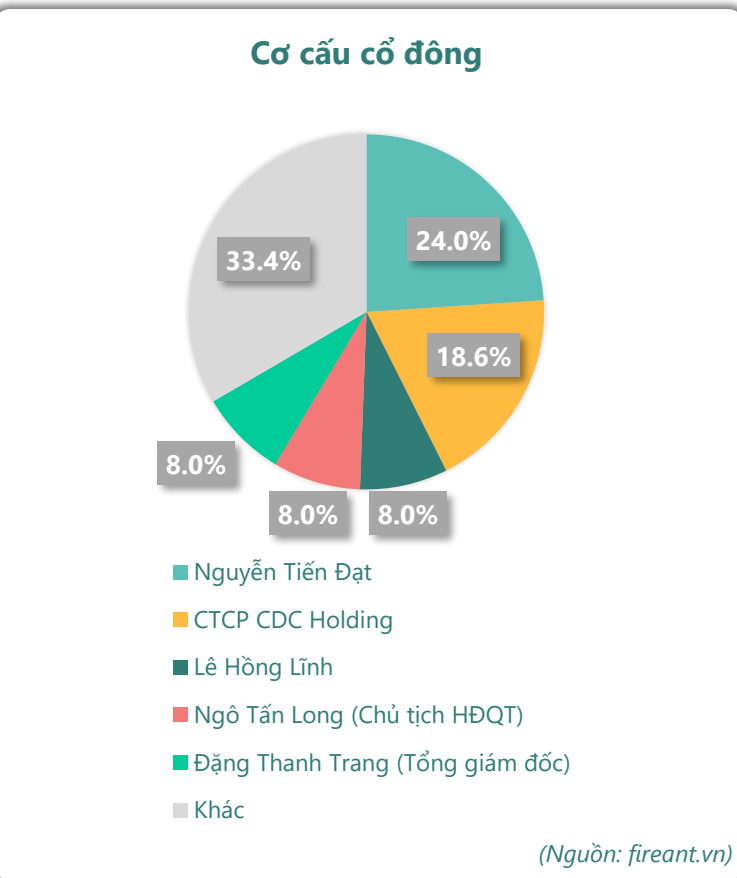
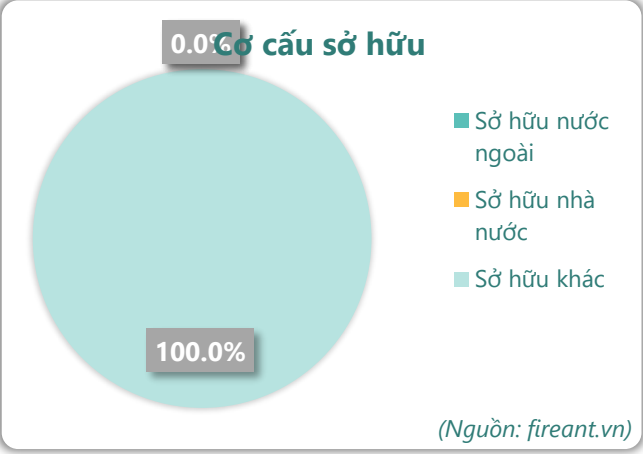
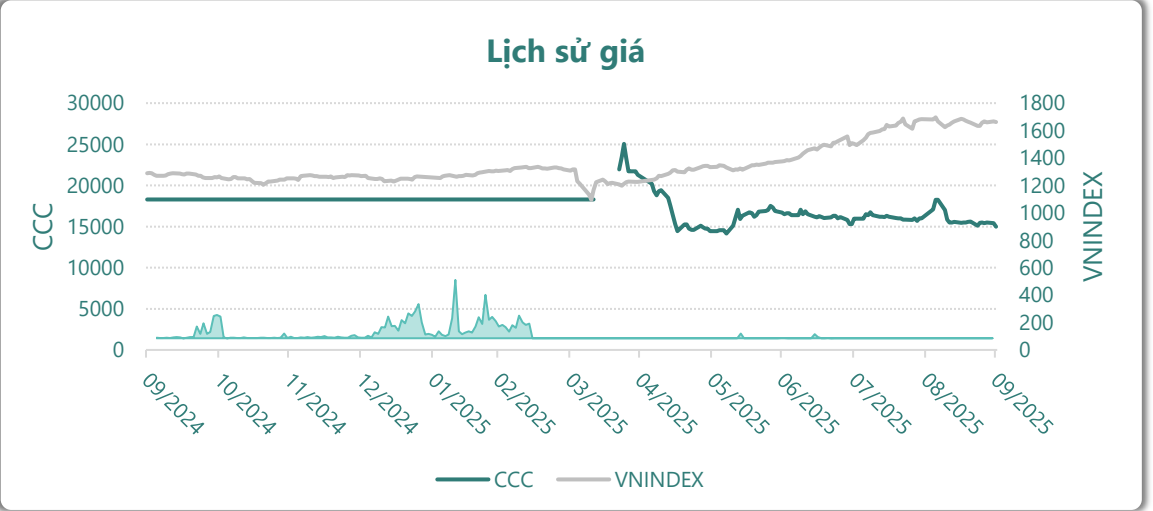
ROE (TTM) Q3/25

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	604
Số lượng CPLH (CP)	40,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,580
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.28
EPS	
P/E	

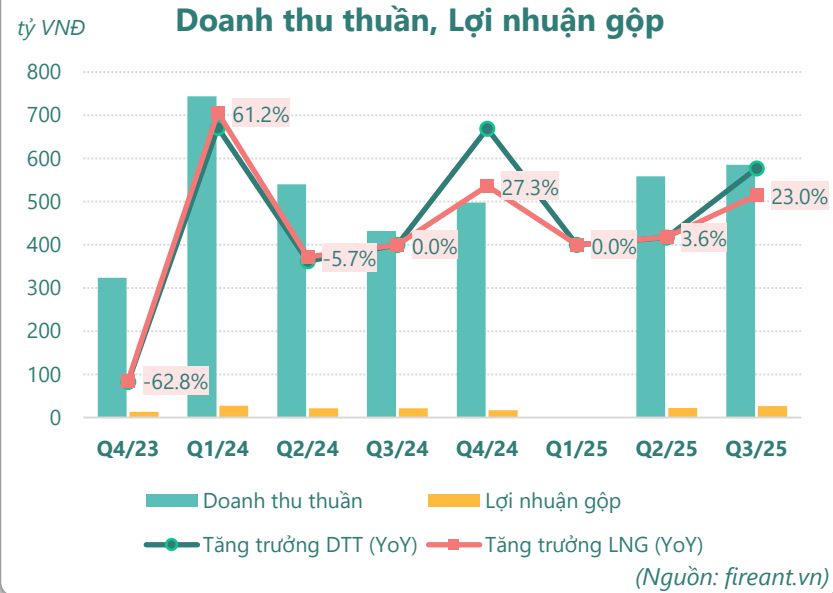
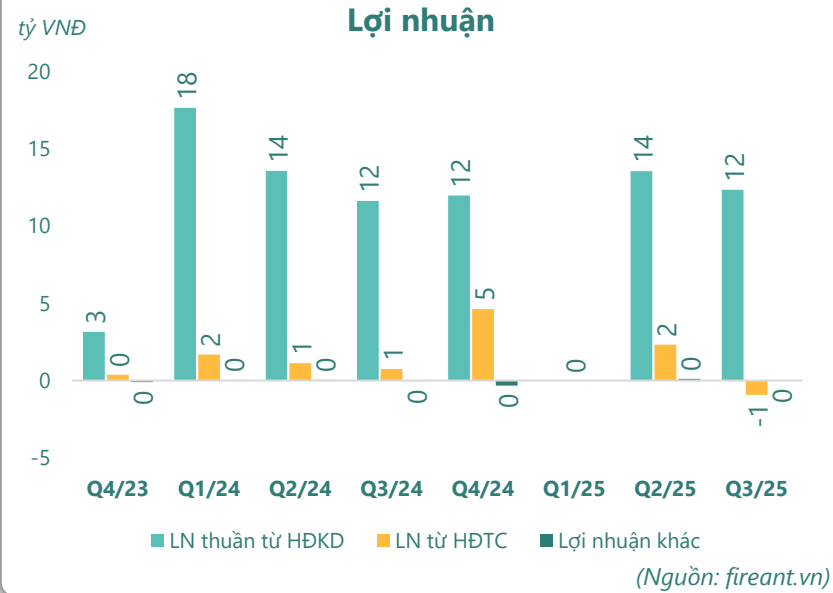
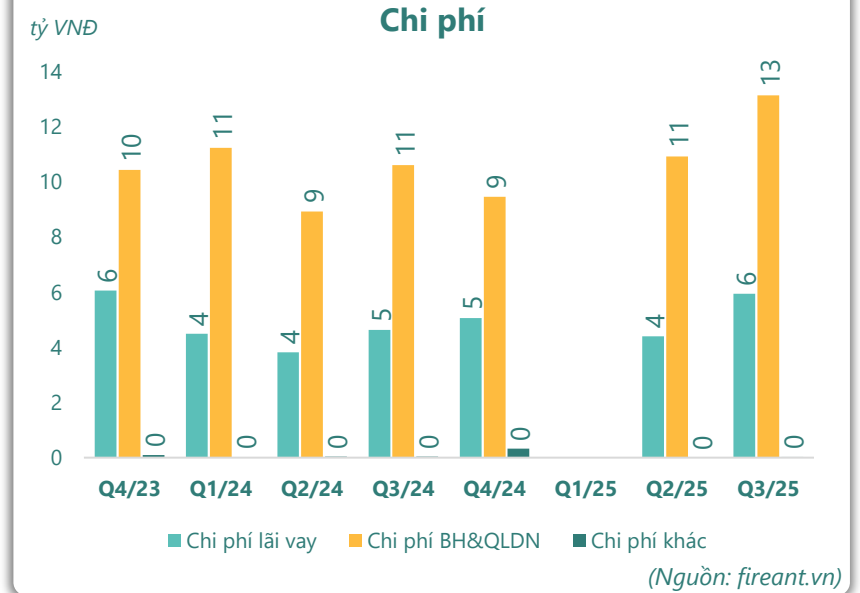
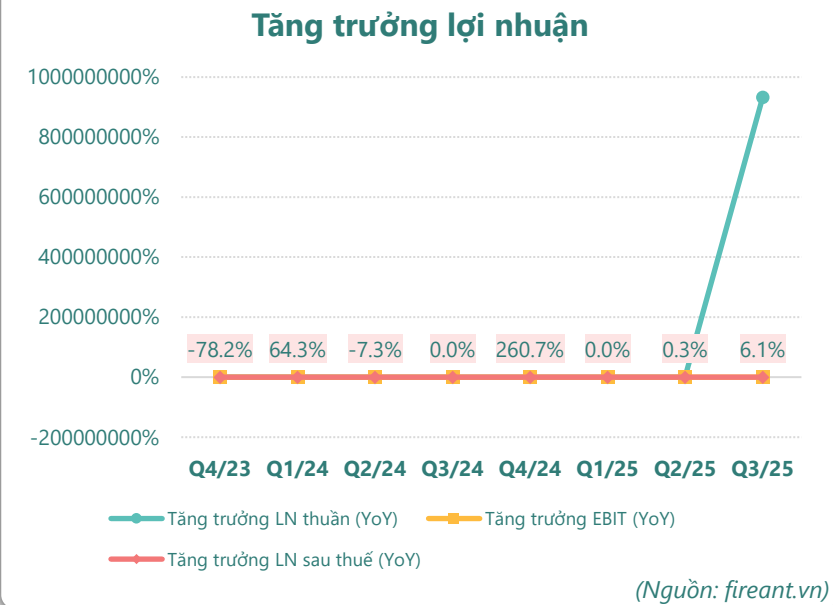
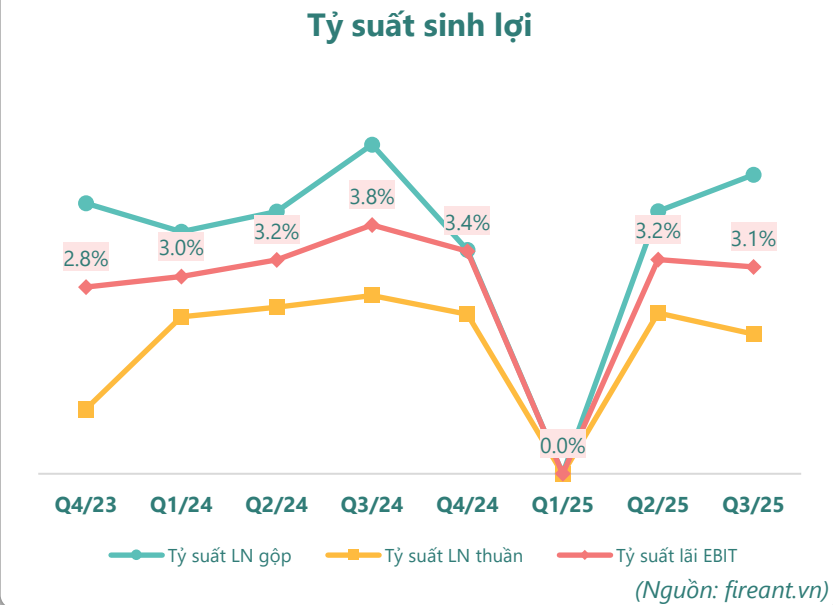
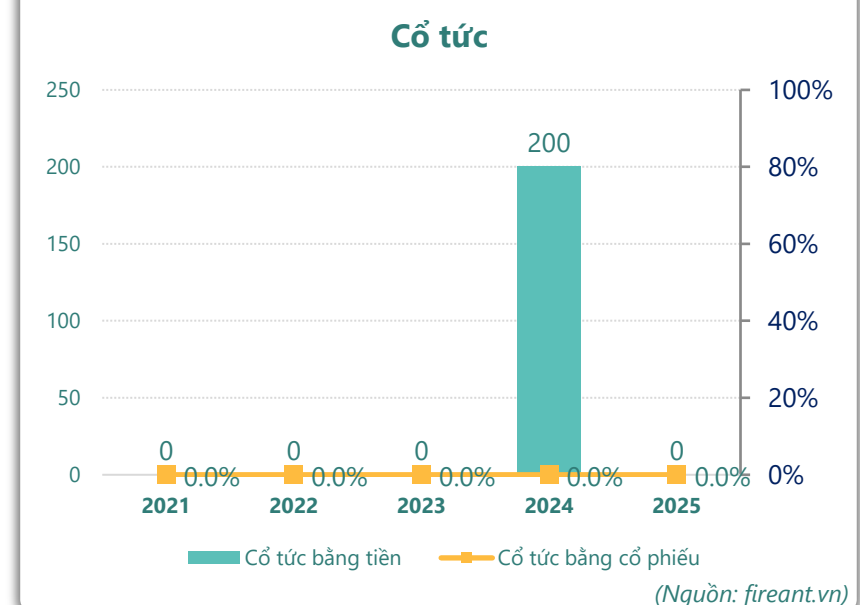
DT thuần 9T 2025
tỷ VNĐ

LN thuần 9T 2025
tỷ VNĐ

LN sau thuế 9T 2025
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH



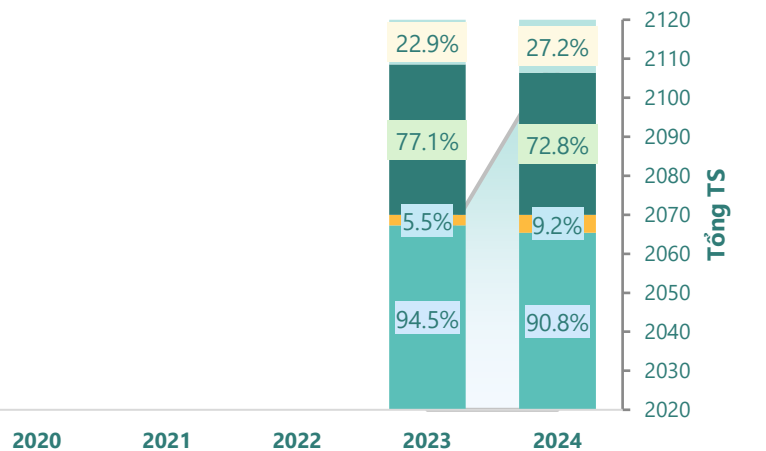


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

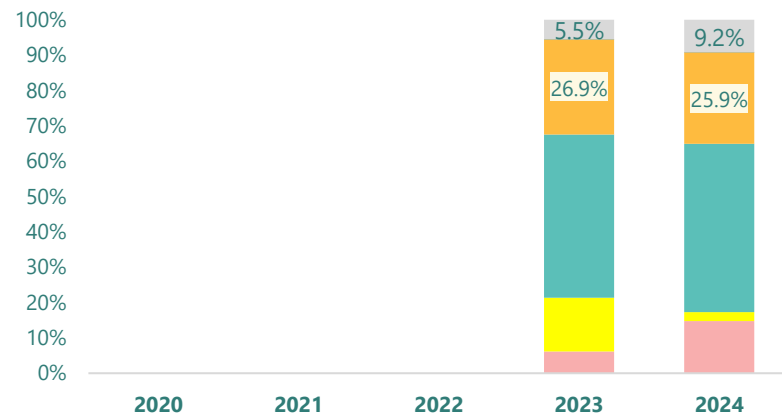
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

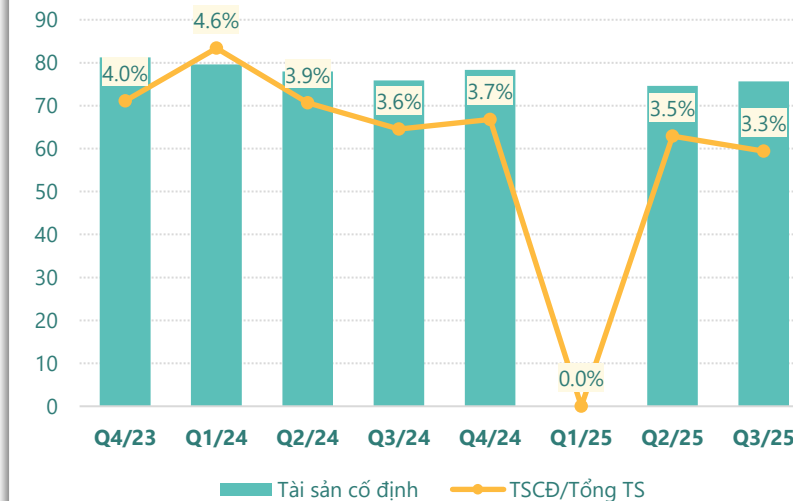


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

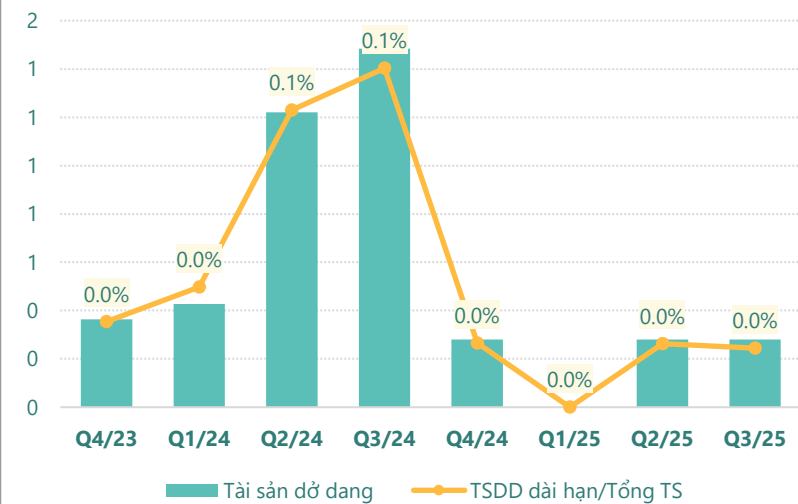


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

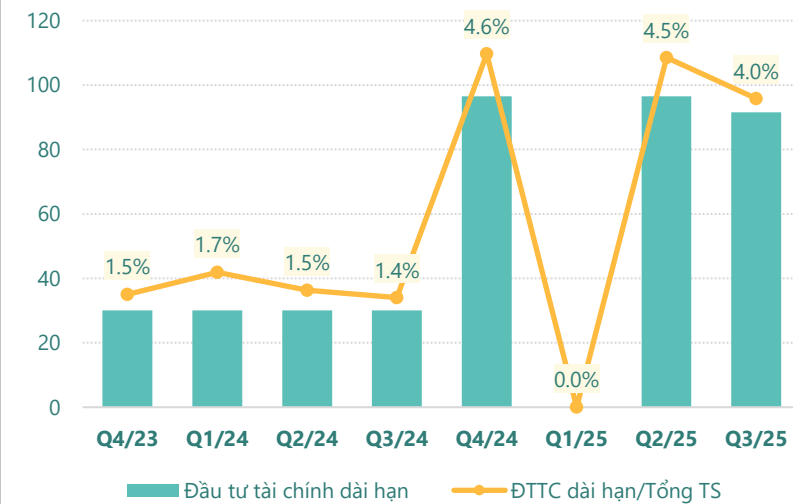


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

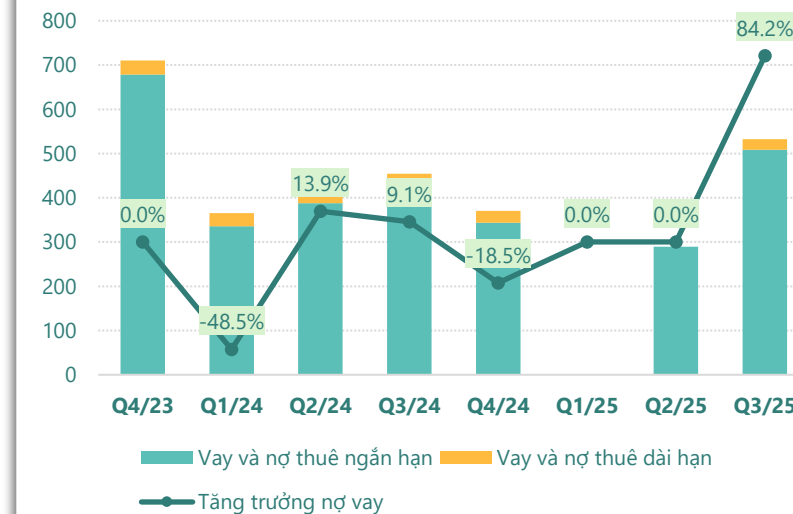


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

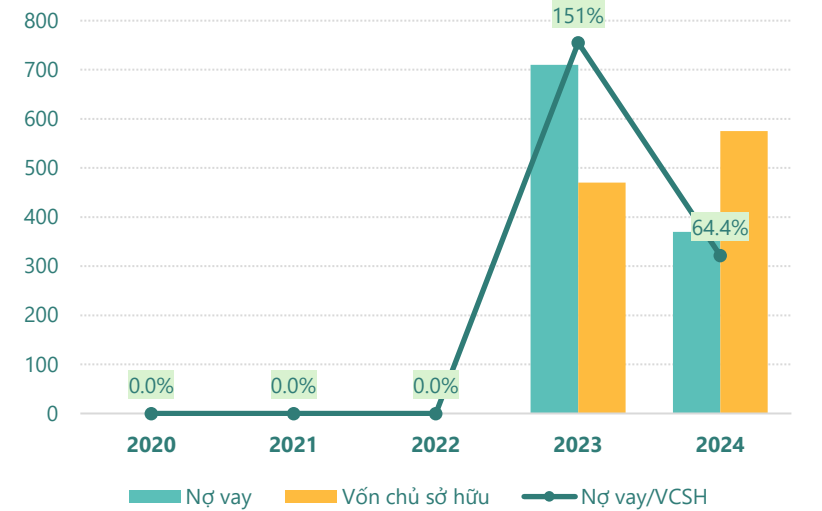
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

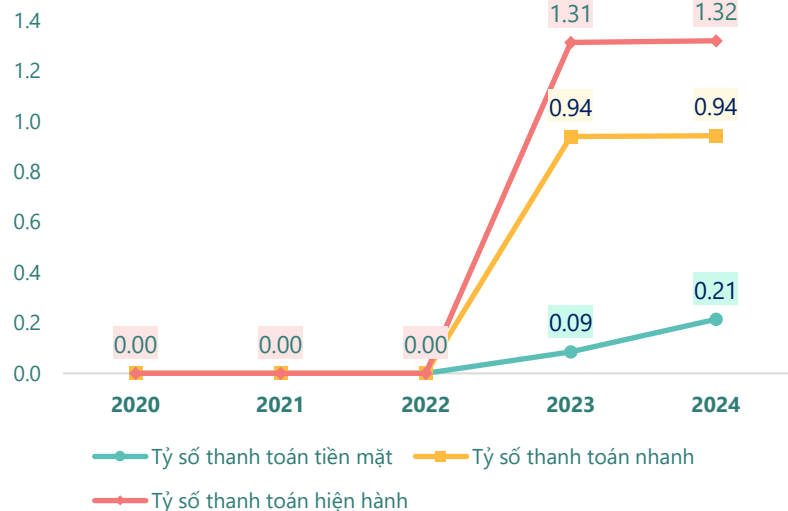
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



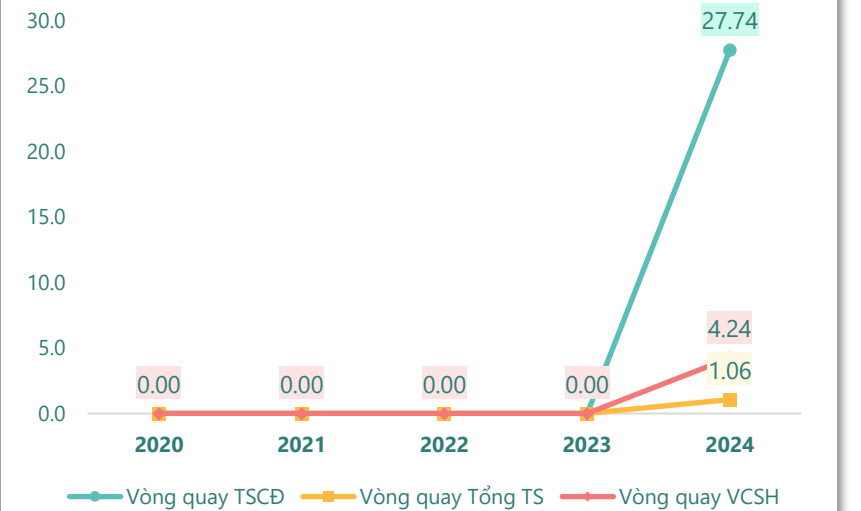
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



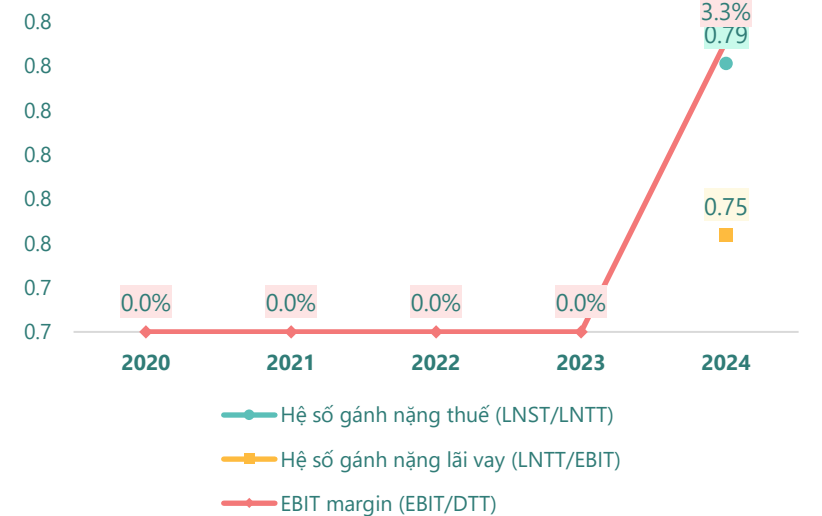
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



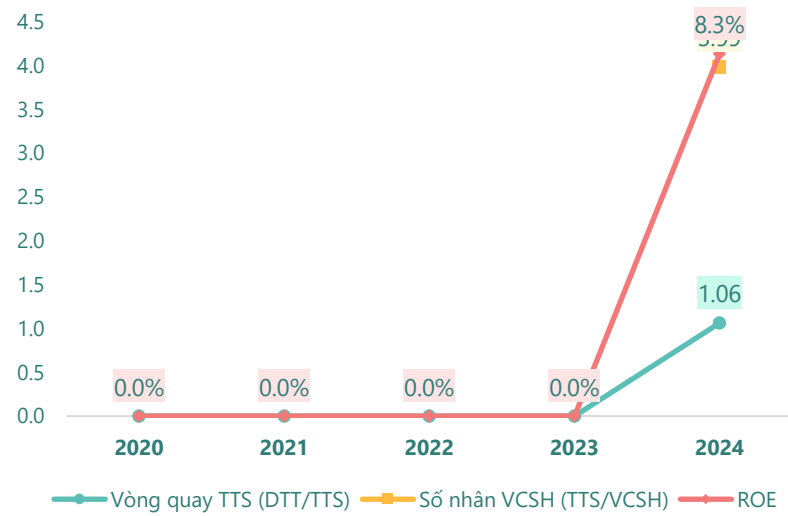
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



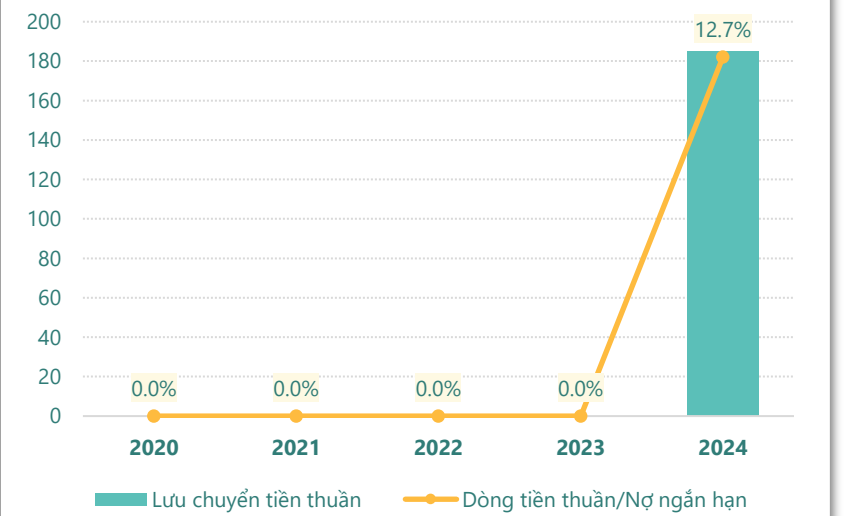
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	585	432	35.5%		1,716	
Giá vốn hàng bán	559	410	36.3%		1,646	
Lợi nhuận gộp	26.5	21.5	23.0%		70.2	
Doanh thu HĐTC	5.02	5.39	-6.9%		16.5	
Chi phí TC	5.95	4.64	28.2%		13.0	
Chi phí lãi vay	5.95	4.64	28.2%		13.0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00			0	
Chi phí bán hàng	0	0.00			0	
Chi phí QLDN	13.2	10.6	24.1%		30.8	
LN thuần từ HĐKD	12.4	11.6	6.6%		42.9	
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.03	45.6%		0.04	
LN trước thuế	12.3	11.6	6.5%		43.0	
Lợi nhuận sau thuế	9.78	9.19	6.5%		34.0	
LNST của CĐ cty mẹ	9.78	9.19	6.5%		34.0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-142	-6.91	187	0	-83.0	-210
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.5	103	43.5	0	2.06	-33.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	122	38.0	-84.0	0	14.4	219
Tiền đầu kỳ	97.2	31.7	166	0	258	191
Lưu chuyển tiền thuần	-65.5	134	146	0	-66.5	-24.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	31.7	166	312	0	191	166

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,292	2,112	8.6%
Tài sản ngắn hạn	2,115	1,918	10.3%
Tiền và tương đương tiền	166	312	-46.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	53.0	9.4%
Phải thu ngắn hạn	1,259	1,005	25.2%
Hàng tồn kho	630	548	14.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.59	0.50	419%
Tài sản dài hạn	177	194	-8.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	75.7	78.3	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	91.5	96.5	-5.2%
Tài sản dài hạn khác	9.80	18.4	-46.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,685	1,537	9.7%
Nợ ngắn hạn	1,621	1,453	11.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	509	344	47.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	580	641	-9.6%
Nợ dài hạn	63.7	83.6	-23.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.6	26.3	-10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	607	575	5.6%
Vốn chủ sở hữu	607	575	5.6%
Vốn điều lệ	403	403	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

